

TRIAN

TAP CHÍ

THỜI ĐẠI MỚI



TRI-TÂN TẠP-CHÍ

RÀ HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 202

Dâng tình mệnh và tài sản cho Tổ quốc	Phạm-mạnh-Phan
Một vị danh thần triều Nguyễn (V)	Trúc-Khê
Dân tộc Việt nam rất đủ tư cách dễ tự trị	Vũ-bội-Liêu
Tài liệu đình chôn văn cổ (LXXXII)	Ứng-học
An nam đô hộ (I)	Nguyễn-xuân-Uân
Đại nam đại sự (LXIX)	Nguyễn-văn-Tổ
Việt nam văn học sử (XVII)	Ứng-học
Kịch Yên-ly (II)	Lưu-quang-Thuận

GIẤ BẢO

Một năm	55 \$ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chancéaulme — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 54, phố Cầu-dắt — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cử 40, phố Đông-khưu — Hải-dương

TRI-TÂN

TOÀN THỂ GIỚI NHÀ VĂN NHÀ BÁO VÀ NGHỆ SĨ

Nhiệt thành ủng hộ chính quyền cách mạng đánh điện yêu cầu BAU ĐẠI tuyên bố thoái vị ngay sửa soạn tờ thỉnh cầu để lên phái bộ ĐỒNG MINH sắp tới.

Theo lời hiệu triệu của một nhóm văn sĩ và nghệ sĩ, hồi 10 giờ sáng hôm 26 tháng tám dương lịch hầu hết các bạn trong văn giới, báo giới, các nghệ sĩ đã hội họp tại VĂN HÓA HỘI QUÂN (tức là hội sở Khai trí tiến đức cũ) để nghị quyết về mấy vấn đề cấp bách. Đến dự hội nghị người ta thấy có đủ mặt đại biểu của các báo hàng ngày — trừ báo Đông phát —, các báo hàng tuần, các nhà xuất bản các nhà văn, thi sĩ kịch sĩ, họa sĩ và các nhà điêu khắc, kiến trúc. Khai mạc buổi họp, anh Trương Tửu mang trình chương trình nghị sự gồm có bốn vấn đề chính như sau đây :

- 1) Thái độ đối với chính quyền cách mạng.
- 2) Quyết định thái độ đối với triều đình Huế.
- 3) Hào hạo việc thống nhất chính quyền trong toàn cõi Việt nam.
- 4) Sửa soạn đón tiếp phái bộ đồng minh và đặt lời thỉnh nguyện lên phái bộ.

Kể đó bạn Trương Tửu yêu cầu hội nghị cử một vị chủ tịch và một vị thư ký trong buổi họp. Toàn thể hội nghị đều bầu Trương Tửu ngồi ghế chủ tịch và bạn Nguyễn Hoạt ngồi ghế thư ký.

Bầu xong, hội nghị bắt đầu thảo-thuận.

BÁ CÁO CẦN KÍP

Các bạn đọc đã nhận được giấy nhắc tiền báo, xin mua ngân phiếu gửi về tòa báo ngay cho. Cảm tạ

Ty trị-sự TRI-TÂN

Nếu có nạn xâm lăng
chúng ta. Hãy đồng lòng

DÂNG TINH MỆNH VÀ TÀI SẢN CHO TỔ QUỐC

PHẠM MẠNH-PHÂN



N - độc lập của đất nước chúng ta đã thực hiện. Việc cần thiết và khẩn cấp này là hồn phách chúng ta phải buy động lực hượng toàn thể đồng bào để giữ vững nền độc lập của tổ quốc.

Bọn thực dân Pháp mặc dầu đã bị tước khí giới vẫn nuôi trong đầu óc ngông cuồng của họ cái mộng lớn lao là trở lại tất nước này mà giằng xé lên giằng sơn gấm vóc của ba mươi triệu đồng bào chúng ta.

Trong xứ thì đáng để phòng một cách nghiêm trọng và khéo khéo, mà ở ngoài thì các tin vô tuyến điện đã làm cho chúng ta phải hồi hộp!

Hôm 17 tháng 8 vừa rồi, tướng De Gaulle vừa gửi một bức thông điệp cho toàn thể n với Pháp khuyên tẩy kiên tâm đợi một dịp may mắn khác mới có thể tái vên toàn quyền mới sang Đông dương được. Vì tàu Richelieu chở quân lính và súng đạn sang trợ giúp dân tộc Việt nam này đã bị thả dương cục ở Ceylan bắt nững không cho tiến thẳng tới chúng ta!

Ngoài ra họ còn man trá tuyên truyền với dư luận thế giới là dân Việt Nam chúng ta còn tru mến người Pháp lắm và yêu cầu họ ở lại cai trị thêm chúng ta một ba mươi năm nữa.

Trong cuộc hội đàm hôm 25-8-1945 giữa phái bộ quan sát Mỹ với các đại biểu các báo ở Bắc bộ, đại úy Patti trưởng phái bộ có tuyên bố:

— « Hiện giờ thì Pháp không được Đông minh cho phép đổ bộ lên Đông dương, nếu Đông minh cho phép thì quân Pháp đã kéo vào rồi. Còn sau này nếu Pháp có kéo binh sang thì chỉ là tự ý họ thôi. »

Trong tờ Cứu quốc vừa đây lại đăng lời tuyên bố quả quyết của tướng De Gaulle cho Đông dương là huế mạch của nước Pháp nên dầu sao nước Pháp cũng phải trở lại đất nước này!

Cả cuộc vọng của bọn thực dân Pháp định cướp phá đất nước chúng ta một lần nữa thật là rõ rệt.

Đối với cái dã tâm đó, thái độ của chúng ta ra sao?

Ngay từ hôm đảo chính tới nay, chúng ta đã tỏ ra rất bình tĩnh và có độ lượng. Đối với người Pháp đã từng thất thế ở ngay đây, chúng ta đã có thái độ khoan hồng nó làm vinh dự cho giống nòi. Không một kiêu dân Pháp nào bị tàn sát, không một gia đình Pháp nào bị phá phách. Chúng ta đã không dùng phương sách bạo động đối với họ. Mà trước bao cuộc âm mưu chúng ta chỉ lặng lẽ đề phòng kẻ đi h!

Dân tộc Việt nam chúng ta đã từng có những trang lịch sử oanh liệt thời lợi ngàn thu không bao giờ chịu khuất phục cam lòng lép mình làm thân nô lệ!

Cái chí quật cường của bao anh hùng dũng cảm trước quốc nạn từ xưa tới nay đã là những bằng chứng rất rõ rệt. Cái đất nước đã từng sản xuất ra những vĩ nhân như Lý thường Kiệt, Trần hưng Đạo, Lê Lợi Nguyễn Huệ không phải là một dân tộc có thể đàn áp được như ý muốn của kẻ xâm lăng.

Cái khẩu hiệu « Một là độc lập hai là chết » của toàn thể (Xem tiếp trang 18)

Vũ phạm Khải

MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THẦN TRIỀU NGUYỄN

365

TRÚC-KHÉ

Có người bàn việc thiên đô ông nói :

— Trừ ông Cồ-công Đản Phủ đời nhà Chu, chưa thấy có ai thiên đô mà hưng khởi lên được. Triều đình rời khỏi kinh đô một bước, liền có sự rung động ngay, nhờ có một cuộc khuấy loạn nào, sẽ đến tan tã. Huống chi việc thiên đô, tốn kém gấp mấy việc đánh giặc, vậy việc ấy rất không nên làm.

Kể thực giả kien là một lời bàn phải.

Năm Tự-đức thứ 12 (1839), mùa thu tháng 7, Vũ Phạm Khải ở Kinh, tiếp được tin đứng nghiêm tâu tạ tể ở quê nhà, vội vã xin về. Đón tang Ông cư tang rất tận lễ, khóc thương như người còn trẻ nhỏ, rượu thịt kiêng hẳn, không bèn đến tỳ nào. Vì vậy câu đối viếng có câu :

Ngũ thập ông nhi có nhưng nhiên như mộ.

Ngũ là ông già 50 tuổi bở cõi, vẫn thương nhớ như người trẻ nhỏ.

Năm sau ông vẫn ở nhà, nghe tin ở trong kinh có nhiều người công kích Lòan-nghị rất dữ. Quan tỉnh tởi ý kiến ông, ông đáp :

— Đánh nhau bị thua mà công kích việc hòa, sẽ khiến cho lòng vua càng sợ, công kích càng dữ thì Lòan-nghị càng quyết. Bây giờ cần phải giữ vững cõi bờ, và mộ quân cần vương họp lại cho mạnh như thể Lạc-lộ mới có thể văn lỗi được. Nếu không, chỉ qua nhau nói, sợ sau này không còn có đất mà nói được nữa.

Khi đã nãi lệ cư tru, triều đình thường có chiếu thúc giục, nhưng ông cứ xin nghỉ thêm mãi, bàn được ở nhà cho đến khi hết chế. Vừa đoạn tang cha, mùa thu năm Tự-đức thứ 14 (1861), ông lại tiếp đến tang mẹ, vì thế lại ở nhà thêm mấy

năm nữa. Năm thứ 15 ở Bắc-kỳ có nhiều giặc ghe nổi lên chiếm cướp châu huyện, nhất là miền đông và miền bắc, việc binh càng khẩn cấp lắm. Ông Khải thấy vậy lên ứng, bàn với quan Tuần phủ Lê Danh-Đề, nên đoàn kết những quân hương-dũng đề phòng giặc. Bỗng ở phủ Nho-quan thuộc tỉnh Ninh-bình có giặc nổi lên, đánh chiếm phủ-thành. Triều đình nghĩ Bắc-kỳ đương lúc có loạn, mà Ninh-bình là đất cổ họng, nay lại xảy ra việc như thế, nên rất lo ngại. Ông Khải cũng nghĩ mình không tiện ngồi yên bên mộ tập con em, thân dẫn lên tỉnh theo quân đi đánh giặc. Sớ đệ vào triều, vua Tự-Đức châu phê rằng :

— Lòng người như thế, lo gì chẳng dẹp tan được giặc.

Quan quân chia hai đường tiến đánh, bắt giết được cánh quân Tồn-du của giặc, rồi kéo ập đến phủ-thành. Quân giặc vô tình, bị hai mặt cánh dồn lại, hối hoảng chạy trốn, phủ thành bèn thu phục lại được. Tập báo về triều, vua ban lời khen và bảo theo giúp việc quan tỉnh. Ngài lại giáng dụ :

« Bắc-kỳ đương có việc đánh dẹp, tỉnh ngược ở vào chỗ trọng yếu đi lại giữa khoảng nam bắc, nay mới thu phục, vậy hết thầy những việc tể đẹp, giữ yên, phải nên thực lực thừa hành, sao cho giặc tắt và dân yên ổn xa làm cho mạnh thanh thế của Bắc-kỳ các lộ. »

Chuyến đi đánh giặc Nho-quan này, quan Lãnh-binh ở tỉnh là Tôn-thất Huyền do thượng-lộ tiến, quan Án sát Dương Doãn-Hải do hạ-lộ tiến ông Khải cũng cùng đi. Giặc đã tan rồi, quan tỉnh tra xét những người giao thông với giặc, ông Khải nói :

— Muốn yên lòng những kẻ phản trắc, không

gi bằng hủy bỏ những giấy má đi, không tra xét nữa.

Quan phải đi bắt những tên giặc chạy trốn, ông nói :

— Nếu thế sợ rằng nhiều dân, cứ để dân yên rồi giặc sẽ tự phải tiêu diệt.

Không đầy mười ngày, quả nhiên dân chóm được đầu giặc đem nộp, còn kẻ nào trốn tránh cũng chết ở trong rừng. Ông hành quân chủ ở điều tin mà xử đối một cách rộng rãi, cho nên người ta tin mà vui lòng theo. Từ lúc ra quân đến lúc khai-hoàn cả thảy 15 ngày, chưa từng khinh di mà đánh ai một roi, kể trước sau có 4 lần đến Ninh-cương, ba lần đến Lạc-an, hai lần đến tam-diệp, đi đến đâu nhân dân đều được yên ổn. Kể đó ông lại về làng để thủ chế nghe việc ở Gia-định, ông than dài thở ngán mấy ngày, nói :

— Một cõi đất gian nan trăm trận mới khai thác được vừa Liệt Thánh Hoàng-đế, vậy mà nay chìm ngập vào tay quân giặc rợ ư ?

Ông nhận làm bài luận *Lễ trọng Liêm* đề tỏ thái độ tin vào tướng Pháp vào kinh, ông cũng với quan tỉnh là Tuần-phủ Võ - Cận, Án - sát Dương Doãn Hải, Thương-biện Nguyễn Bá-Huân dâng sớ lên can, lại can cả việc : đề cho Đại Đức giảng đạo nữa, và bàn về các sự phòng thủ số đáng vào, được vua ban lời xuống quốc trách.

Khi ấy có quan khoa đạo Nguyễn Tấn dâng sớ xin cử ông Khải mộ binh đi đánh giặc Đông Bắc, nhưng rồi việc êm nên lại thôi.

Năm thứ 16 Triều đình nghĩ đến cái công ông Khải ở Nha-quan, thăng chức Hàn - lâm viện thị-kiến học-sĩ ; và vì miền rừng núi Ninh-bình chưa được yên, hẳn chuẩn cho tăng lương ở bản in lo việc phòng thủ. Ông giúp việc phòng thủ ở tỉnh, kể việc yên thì lại về quê, trong hai năm trời không lập tòa sở, không nhận lương bổng, tỉnh cấp lính hầu cũng chối từ. Năm ấy ông Đỗ Quang từ Gia-định về thời lúc b nh lương đem vào kinh, đi qua có vào chơi nhà ông Khải, lưu lại ở đấy đến hàng tuần, nói đến việc hươc, hai ông cùng trông nhau mà cười sọt khóc.

Năm thứ 17, Triều đình đem hòa-nghị thông đạt cho rằng ngoài đều biết, lòng người đều kinh

nghi. Ông nhận lời quan tỉnh ấy cậy, đi hiểu thế cho lương-dân giáo dân đều được yên lòng. Giặc hồ ở Hải dương nhưng nhiều, quan quân đi chinh chiến bị bại, bọn ông Trương Quốc-Dụng, ông Văn đức-Gai, ông Trần văn-San đều bỏ mình tại trận, ông nghe tin phẫn nộ mà rằng :

— Tiếc thay sao giới võ hại người hay ! Thật đáng phẫn nộ cho mấy ông ấy quá.

Năm ấy ở Nghệ-an việc chống cự Đại-Đức, quan Tổng đốc Vũ Trọng-Bình mời ông vào đề bàn tính nhưng ông không vào.

Năm thứ 18, lại có mệnh vời Vũ Phạm-Khải vào kinh, thăng chức Hàn lâm viện thị-độc học-sĩ, sang làm toàn tu ở Quốc-sử quán ! Tiếp được triệu-mệnh, ông nói :

— Ta vào kinh chuyển này, tất lại bỏ vào sổ-quán, trong quán có bộ Chính biên đệ tam kỷ là bộ sách soạn rất đầy-ý của ông Bùi-Quỹ, đối với ta thì Bùi là bậc tiền-bối, há nỡ thay-đổi việc làm của ông !

Khi đã đến kinh, phụng lời châu-phê nói :

« Tuy ở đều-viên mà gặp việc cùng chịu cố gắng, vậy thăng cho hàm ấy. »

Lại phụng lời châu-phê nói !

« Đừng vì cái chức nhật-nhảo mà trễ-nhác, phụng lòng mình mà cũng phụ cả lộc nước. »

Lúc ông chưa vào quán nhận chức, có gặp ông Phan thanh-Gan, nhân nói :

— Xin lấy lễ cổ-nhân cùng ngài tương khiễn. Hai người cùng ngồi đôi bàn chuyện. Bấy giờ ông Phan chủ-nọa được bị sự quốc trách nghiêm-nghị. Ông Phan nói :

— Tôi danh là một kẻ có tội muốn đời.

Ông Vũ nói :

— Sự đó chỉ cần xoay lại một chút mà thôi. Hòa mà ở đó, chẳng bằng làm trái ngay lại, lấy nghĩa mà tương xuất thiên hạ, thiên hạ theo thì tội sẽ ki h. K ỏi tội muốn đời thì trong Nam người như tương công. làm gì mà chẳng được huyết-thực muốn đời.

(Còn nữa)
TRUC-KHÁ

Ta phải chống lại lối tuyên truyền
man trá của bọn thực dân. . .

DÂN TỘC VIỆT-NAM

RẤT ĐỦ TỪ CÁCH ĐỂ TỰ TRỊ

NHỮNG KHẢ - NĂNG CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM

VŨ - BỘI - LIÊU

I
Nước Việt Nam là một nước
văn hiến. Trí thông minh của
người Việt Nam

MỘT số người Pháp
chân chính đã
không hết lời
khen ngợi dân
tộc ta, và tin ở ta một tương
lai rực rỡ. Roland Dorgelès ở
viện hàn lâm Goncourt đã
viết trong cuốn « Sur la route
mandarine » : « Nước Việt Nam
là một nước văn hiến, hay chữ,
phàm những khoé tài tình của
trí tuệ không gì là không biết »
Félicien Ctallaye cũng nói :
« Người Việt Nam có một văn
minh riêng biệt, ... Tiếng Việt
Nam đã tạo nên nhiều văn
phẩm giá trị ».

Nhưng ai còn tin rằng tiếng
nước mình nghèo thì thật là
mù quáng và đại dốt. Trái lại
chúng ta phải tự hào rằng đã
có một thứ tiếng nói vừa phong
phú, vừa nhẹ nhàng, uyển
phuyển, âm thanh nhiều khi

nhịp nhàng, êm ái. Dưới đây
là một vài bằng chứng :

Đề diễn cái ý « mang », thử
hỏi nước nào trên thế giới
được nhiều tiếng bằng ta ?
Nào là : gánh, vác, khuân,
khiêng, - mang, đội, đeo, xách;
cầm, cắp, nào là : bồng, bưng,
bế, bế, ôm, ôm, công, tha, đeo,
tất cả những linh hai mươi
chữ !

Người Pháp đủ có những
tiếng « jeter », « lancer », còn
ta, ta có biết bao nhiêu chữ
Đây là : Ném, quăng quăng,
tung, đập, xía, lia, liệng, lao,
phóng, vút, văng, vung, vẩy,
té, hất. Mười sáu tiếng, mà
mỗi tiếng lại có một nghĩa
riêng biệt, không chữ nào giống
hần chữ nào

Và những chữ sau này để tả
một người to, lớn, mới tài tình
làm sao ! Ta nói :

To, to lớn, dầy, dầy đà, phì
nộn, vạm vỡ, mấn mấn, tròn
trĩnh, phịch phịch. Béo, béo
chắc, béo lẳn, béo lùn, béo

mộp, béo bệu, béo chương, béo
nứt, béo nức, béo quay, béo
sưng, béo phệ, béo phì, béo
phì, béo chut, béo chít, béo
húp béo híp, béo ụt, béo ị, béo
tròn trùng trục v. v. .

Trong tiếng Việt, lại có nhiều
thành ngữ, và đặc biệt nhất là
những tiếng rập đôi, hình dung
được các sự vật một cách linh
động và ý vị. Nhiều dáng điệu
và cử chỉ như vẽ ra trước mắt
ta :

Ví dụ : Lo như cá nằm trên
thớt. Mặt nặng như đá đeo.
Mặt ngay như cán thuồng. Chát
như dấm vào cò. Chuyền như
pháo ran. Dương như mắt
ếch. Ngắc như cò cò. Ướt như
chuột lột. Dai như đĩa dôi.
Ngổa như bò ngổa rom, v. v. .

Khấp khềnh như răng bà lão.
Láo nháo như cháo với cơm. Long
tong như ong đốt đất. Si si như
chỉ đồ lỗ. Lùng tung như thợ
vụng mắt kim. Nhắc nhằng
như cẳng bò thui. Lừ khừ như
ông từ vào đũa. Lối thối như

cá trôi lòi ruột. Lầm dầm như đi khấn tiên sư. Lầm lét như quạ vào chuồng lợn. Lầm lầm như chó ăn vụng bột. Xoen xoét như mép thợ ngói. Lầm cầm như xăm đi đường con. Linh linh như chĩnh mắm t.ố. Lò dò như cò bắt tép. N ăn nhớ như khi ăn gừng. Nhớn nhoe như còi đi đánh bông. Oai oái như rắn bắt nhái. Nhàng nháo như cáo bắt gà. T ở thể như trẻ lên ba. Phập p'ông như dấm bị bông. v. v. .

Âm thanh tiếng Việt nam có cái năng lực để, tả tình ý rất tuyệt diệu. Ta cứ đọc những câu sau này sẽ thấy :

Lội bi-bõm, bỏ lồm-nghồm, ngã uy-oạch, dáng đi khệ-nệ, chân đi thất-thều, tiếng nói oang-oang, giọng ôn-ễn, dau, đi xoắn xo, con đờ & qỏ - ghề ; khúc khuỷu, khấp-khềnh, gập-gheñh, nói lũng-búng, gờng-xanh lồng-cồng, uồ dạc lồng chổng, má phình-phình, mắt húp híp, ngã sóng soài, nằm sóng sượt, mềm oặt-mềm ẹo, cái cồ yếm rồ nó thông-thông-thông, v. v. .

Đây là tôi chưa nói đến ca dao, nhiều câu rất bóng-bẩy, thú-vị, cũng như nhiều câu lại hóm-lĩnh, ngộ-ngĩnh và có duyên vô cùng. Phong-nhân thật là những thi-sĩ có thiên-tài, và bảo ca-dao là một kho báu vô-ngần của văn-chương đất nước, chẳng phải là một câu nói ngoa.

Ta thử hỏi một dân-tộc đã có một thứ tiếng nói tuyệt-diệu như tiếng việt-nam, đã sản-xuất được những áng văn bất-hủ như « Đoạn trường tân-thanh », « Cung oán

ngâm khúc », « Chinh-phụ-ngâm », thì có lý nào mà phải sống mãi trong vòng nô-lệ ? Francis de M. omandre nói về ngày kỷ-nệ n. thi sĩ ba-tư Flindousi đã viết : « Một dân-tộc bị chinh-phục muốn giải-thoát chỉ cần có một từ ngữ đã được quy-định bởi một văn-phẩm kiệt-tác » :

Không kể một số nhà văn pháp, tểng nam chẳng biết, cứ như thi Long, chỉ nghe hơi đồ chừng, m dầm lên tểng mặt-sát Văn-chương nước Việt, bảo những tác-phẩm của ta « không có một sức sáng tạo nào cả », « chỉ là những bản mô-phỏng vô-giá trị của các tác-phẩm trung-quốc ; không kể n. ứng nhà phê-bình quái-gở như Villard chê « truyện Kiều là một đám-thu trong đó có nhiều đoạn tả về sự dâm-dục rất ghê tởm », lại nói : « quyền đó soạn ra để làm món tiêu-khiển cho một ông vua phóng-dãng, ở một nước mà dân bản-xứ họ biết rõ hơn ta những cái xấu-diệu của sự dâm dục », và lại còn đem ví truyện Kiều, « một quyển sách vừa là kinh, vừa là truyện vừa là Tháo-thư, P. úc-âm của dân-tộc ta » (theo nhớ ơn P. am-Q. ynb), với bộ tiền truyện, k. u. u. J. n. n. ban là Justine của hầu tước de Sade ; không kể những lời phê bình l. u. h. h. và c. a. d. s. ấy, ta thấy nhiều người ngoại-quốc như Bauns, Sauvigné, Corder, Crayssac đã phải hạ bút khen-ngợi văn-chương ta.

René Crayssac đã viết trong bài tựa bản dịch truyện Kiều của ông ra tiếng pháp : « Ang năm bất-

hủ của Nguyễn-Du có thể đem so sánh mà không sợ thua kém với các tác-phẩm kiệt-tác trên thế giới, vô-luận ở thời nào, vô-luận ở xứ nào ». Về ngọn bút tả cảnh, tả tình của Tố-Như tiên-sinh, nhà thi-sĩ pháp ấy nói : « Trong truyện, có vô số bức tranh nhỏ nhỏ vừa thanh-tạo vừa diễm-lộ ; chỉ mấy nét bút, chỉ ba bốn câu thơ, là ta đã có, trong cái khuôn-khổ chật hẹp ấy, tất cả một bức phong-cảnh nét họa rất tinh-tế ». Ngọn bút của Nguyễn Du hiển cho ta những màu sắc biến-hóa vô-cùng. Thi-sĩ tả cái vẻ mỹ-miệu, kiều-dễm, cái sẵn-muộn ưu tư, cái giọng trang-nghâm cao nhã, hay tàn-bạo dữ tợn, vô nào cũng tuyệt-diệu, không phải cái gì non-nớt bao giờ. » Và gần đây M. Robba cũng viết : « Tất cả cái hùng-vị của quyền Kim-vân-Kiều là do nhờ văn thanh-nhã êm ái sáng-dáng là của một thi sĩ đại tài... Nhiều câu thơ của Nguyễn-Du có thể liệt vào hạng những câu thơ đ. a. d. ương nhất thế-giới ».

Quyển « Đoạn-trường tân-thanh » lại còn được một nhà văn ph. u. a. g, ông Komatsu, đem đi b. ra tiếng Nhật. Độc-giả bản xứ « Mặt trời mọc » — một nước mà trong ấy các du-khách, ai ai cũng là thi-sĩ — đã nhiệt-liệt hoan-ngheñh những văn thơ trác-tuyệt của nhà đại thi-hào Việt-nam. Và dịch-phẩm đó in ra đâu đã bán được hàng vạn cuốn !

(Xem tiếp trang 18)



TÀI LIỆU

ĐỀ ĐỊNH CHÍNH NHỮNG BÀI VĂN CÔ

36 87

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều
Hồi thứ ba (tiếp theo)

Kim-Trọng và Thúy - Kiều uống rượu đã đến nửa chừng, người nào cũng ngà-ngà say. Kim-Trọng nói: « Tôi nay chúng ta đồ-âm thật là vui vẻ quá chừng. Nhưng tôi còn muốn yêu-cầu một điều hơn quá, không biết cô-nương có chịu nghe không? » Thúy - Kiều trả lời rằng: « Trừ việc học-ăn ra còn thì lang-quân muốn gì cũng được ». Kim-Trọng nói: « Về việc yêu-cầu, cô-nương đã dạy một cách nghiêm-khắc, tôi dân lại dám nhắc đến! Điều tôi thỉnh-cầu bây giờ là nghe cô-nương gảy hồ-cầm rất hay, nên xin cô-nương cho tôi nghe một khúc vì chưa được nghe bao giờ »; Thúy-Kiều đáp rằng: « Hồ-cầm là sở-thích của em, thì em có tiếc gì mà không dạo một cung đề chàng nghe. Nhưng khi giờ có hạn: nói chuyện tình còn lo chưa đủ, còn thì giờ đâu mà dạo đến hồ-cầm? Huống chi hồ-cầm ở trong nhà em, về lấy thì mất nhiều thì-giờ, xin đồ ngày khác, có được không? » Kim-Trọng nói: « Tôi không phải là không biết đêm ngày tình dài, nhưng vì làm-mộ

đã lâu, nay được nghe một nửa đây, cũng thỏa tấm lòng ao-ước. Còn như hồ-cầm thì tôi đã có sẵn ». Nói rồi, lấy ra, hai chân quỳ xuống, hai tay dâng lên, đưa cho Thúy - Kiều. Thúy - Kiều vội vàng đỡ lấy, nói rằng: « Ngón tay chàng nhỏ mịn-mướt như thế kia, mà phải khuấy-thề với em, chẳng hóa-ra nhảm lắm ru? » Kim-Trọng nói: « Tôi sở-đĩ khuấy-thề, chẳng qua là muốn tỏ cái tình gắp-nghe-của tôi. Cô-nương thương đến tình ý ấy, chừa dạo một cung, thì vĩnh-hạnh nào bà! Cứ có việc gì mà cho là nhảm? » Thúy-Kiều nói: « Chẳng cùng tình như thế, em đâu chết cũng không nát, có tiếc gì một cung đàn! » Nói rồi, hai tay sẽ động đến dây đàn, mười ngón tay búp măng như múa trên mây đường tơ uổ, lúc đầu kinh như lạc nước, rồi lại như vượn kêu, lúc thì khoan-thai như gió thoảng, khi thì dập như mưa rào, tiếng đàn uyển-chuyển, âm-luật du-dương, như oán như mộ, như khóc như thương (Xem như thế thì cụ Tiên-điền dịch là « trong như tiếng hạc bay qua, đục như

nước suối mới sa nửa vời; tiếng khoan như gió thoảng ngoài, tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa... » thật là tài-tình. đã hạn chữ ban văn, mà lại hay hơn chữ nhạc). Kim-Trọng lắng tai nghe, mừng cuống lên, ó lúc ngồi ngáy ra, có lúc gật đầu tặc lử, có lúc chỉ khen trầm nín lặng... Đàn mãi đến lúc các ngón, sao trên trời bỗng như đã thay đổi (ý nó khuấy quá), đồng tồ dấy đánh ba tiếng Thúy-Kiều lúc ấy mới thôi đàn. Kim-Trọng nói: « Mỗi một tiếng đàn làm cho cả giờ của đồng-hồ được lâu thêm; đây người hân-gỗ nghe tiếng, cũng phải nước-nở khen thầm, huống chi là người có tài-tình. Nhưng tiếng đàn tựa như thể t'âm khúc-rết, đều là những điệu lao-tao bất-bình: Xin cô-nương lần sau, đừng gảy những điệu bi-ai ấy, e rằng đứt ruột người nghe mà chính mình gảy cũng khổ hại ». Thúy - Kiều thưa rằng: « Vì đạo Ly-tao, e có cảm đến Khuyết-nguyên, đó là tập-quá tự-nhiên mà đã thành thói quen; không ngờ được lang-quân dạy đến, từ nay không dám gảy những khúc ấy nữa. » Kiều vừa trả lời vừa

cầm đàn đưa trả Kim-Trọng. Kim-Trọng trông Thúy - Kiều, đôi mắt sáng như sao, hai má ửng hồng, như hoa thược-độc trong lồng đèn, như hoa đào khi mưa tạnh, tình-tử nồng nàn, khó ngăn được lửa dục, bèn ôm Thúy-Kiều vào trong lòng, nhìn không chớp mắt. Thúy-Kiều nói rằng: «Lang-quân sao lại dở cái thói con ma ấy? Em không phải là cục đất bay xúc ổ mà vô tình được! Mà cũng không phải cố ý làm ra lối kiêu-tinh ấy đâu, chính là nghĩa không thể được; ngày giờ sinh-lẽ chưa kịp, nếu mà phải tiếng dâm-dã, tui chẳng còn quí gì em nữa!» Kim-Trọng nói: «Ngưng bậc liệt-nữ đời xưa cũng đã làm rồi, sao một mình cô cho là không thể được?» Thúy-Kiều thưa: «Đưa cho là không thể được, đề học lấy cái có thể được của người xưa. Quảng lấy cái có thể được của người xưa, đề lượng cái chỗ không thể được của em, thì mới biết cái chỗ em cho là không thể được, chính là đề bảo-toàn lấy cái có thể được về sau. Làm thân con gái phải giữ mình như giữ bình (ấm): nếu bình đã vỡ thì không thể làm cho lành lại được, thân con gái đã có vết, thì không thể làm thế nào cho trinh-khiết được. Về sáu đến đêm hợp-cần, sẽ lấy câu gì mà trả lời? Lúc bấy giờ kẻ kia (tức người con trai) sẽ nói-bận mà sinh ngờ vực, ngờ-vực mà còn giữ lời tuềnh chưa từng có! Giá-sử thiếp có cái lòng bất-tuế, chàng cũng nên lấy tay làm con dao, để cắt đứt cái mối dâm-dã mới phải. Sao chàng lại đem cái thói dâm-bôn

đề làm nêu cho vợ con như thế?» Nói-năng chính-dàng, làm cho Kim-Trọng lạnh toát mồ-hôi, phải đứng dậy tạ lỗi rằng: «Cô-nương nói phải lắm, tôi thật không kịp.»

Chợt nghe cả sân thì trời đã rạng đông. Thúy-Kiều đứng dậy cáo về Kim-Trọng còn muốn lưu lại, thì lại nghe có tiếng người gõ cửa: Kim-Trọng bất-dã-dĩ tiễn Thúy-Kiều theo đường giả-sơn đi về. Còn người gõ cửa chưa biết là ai, xem đến hồi sau sẽ rõ (lược dịch *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh-âm tài nhân, bản sao của Bắc-cổ, số A q 53, tờ 31 a 33 b).

Các bản đều viết: «Ngày vừa sinh-nhật ngoại gia, Trên hai đường, dưới nữa là hai em». Duy kinh-bản (*Đoạn-trường tân-thanh* của cụ Kêu-oán-Mân, ở 10 a) chép là «Vừa ngày sinh-nhật ngoại gia, Trên song dờng dưới nữa là hai em». Câu trên, chữ «Ngày vừa» hay «Vừa ngày» dùng thế nào cũng được. Đến chữ «hai đường» ở câu dưới, tuy cùng nghĩa với chữ «song dờng», nhưng không mấy khi dùng chữ «hai đường», sợ lẫn nghĩa với chữ «hai đường cái». Và lại chữ «song dờng» đã hóa ra tiếng nôm rồi. Vẫn biết có người cho rằng dùng chữ «hai đường» dễ đối với «hai em» ở dưới, nhưng cũng không ổn, vì chữ «dờng» là chữ nho, không có lẽ trong hai chữ mà một chữ nôm, một chữ nho.

— Đến câu dưới, kinh-bản chép là «Tưng-bùng sẵn-sửa áo xiêm, cần dăng một lỗ» ra đem tấc

thành». Hai bản nôm (Phường-bản của Quan-văn-dường, tờ 12 b, và *Kim Vân Kiều truyện* chữ, số A B 233, tờ 33 b) đều viết «Bèn dăng một lỗ» ra đem tấc thành»: chữ «Bèn» này là tiếng nôm, chính mặt chữ là chữ «biện» của chữ nho. Bản quốc-ngữ của ông Vĩnh (1919, tr. 94) là chữ «biện» thì nhầm. Đã không muốn theo chữ «cần», cũng phải đọc là chữ «bèn» mới xuôi nghĩa, chứ không phải chữ «biện», vì chữ «biện» với chữ «dăng» cùng một nghĩa. Chữ biện lẽ thường viết hai chữ «tấn», chữ «lực» ở giữa, chứ không phải chêm trên chữ «hạ» dưới. Còn chữ «cần dăng» do chữ «cần biện» hoặc «hiển cần», nghĩa đen là dăng rau cần: Liệt-tử chép rằng xưa có người có dận tốt và lại cần-bình (cần-bình tử), thường khêu ở trước mặt hương-hào; hương-hào lấy ra ném, nói rằng: «Ăn rồi, miệng thì ngứa, bụng thì đau». Thiên-bạ xúm lại chê-cười, người kia xấu-hổ... Về sau có ai đem vật tặng người ta, thường tự-khiêm là «hiển cần», ý nói không được quí báu. Kinh-bản và quốc-ngữ đều dẫn sách. *Kê-khang* chép «người nhà quê có rau cần tốt muốn dâng vua»: điều ấy có lẽ không bằng điển *Liệt-tử* trên này.

— Câu «Mặt nhin mặt, thêm tươi, Bèn lời vạn phúc, lời kàn huyền», kinh-bản chép «Càng nhin mặt, càng thêm tư

— Hai bản quốc-ngữ (1 tr. 35; 1942, tr. 98) và kinh-

(Xem tiếp trang 10)

Địa thế An Nam đồ hộ —

Khu vực định cư của người Việt từ đầu thế kỷ thứ nhất Tây lịch gồm tất cả những đất thuộc Nam sông Dương tử và dọc bờ biển Đông hải và Nam hải, năm thế kỷ sau đất Việt bị người Tần xâm lấn gần hết (1) Đông Âu mất, Mãn Việt mất; còn Nam Việt gồm đất Tây Âu thành bộ Giao chỉ còn lại có một nửa phía nam mà thôi, nghĩa là người Việt rút cục còn giữ lại có đất Tây Âu mà thôi.

Vết tích người Việt ở Đông và Mãn Việt bị mai một từ đời Tây Hán, Nam Việt và Tây Âu tức Giao châu thì mãi đến đời Tam quốc mới bị phân chia. Nguyên sau khi bại được họ Sĩ, Ngô chúa là Tôn Quyền chia đất Giao châu ra làm ba: Quảng châu và Giao châu, đặt quan Thứ sử riêng. Cũng đã có một lần Giao, Quảng hợp làm một nhưng rồi lại phân chia ngay. Hai châu biệt lập hẳn rồi thì mỗi châu theo một cuộc đời riêng. Dân Việt ở Quảng châu bị đồng hóa với Tàu, đất Quảng thành tỉnh Lương, Quảng trừ một ngày nay (2). Dân Việt ở Giao châu vẫn giữ nguyên được bản sắc, dựng thành một quốc gia độc lập phần thịnh. Nội các chỉ Bách Việt ở đông nam Á-châu, may chỉ còn người Việt ở đây là không bị tuyệt chủng, sinh tồn và bành trướng ra.

Suốt đời Bắc thuộc qua những độc lập ngắn ngủn, cơ nghiệp Trưng vương, nước Vạn xuân Lý nam đồ cũng chỉ gồm có khoảng trung châu Bắc kỳ và bắc Trung kỳ; phải chờ sau Lối tự chủ

Ngô Đình Lê kiến thiết đất gốc đỏ rồi Lý Trần Lê mới mở mang thêm bờ cõi về Nam được.

Từ một châu Giao to lớn cho đến khi thành nước Đại Cồ Việt, mặt đất đồng bằng này đã trải qua bao nhiêu phen biến cải. Nhà Ngô chia Giao châu ra làm hai đất Giao chỉ gồm hai quận Tân, Hưng (3). Cuối đời Tam quốc sang đời Tần, Giao châu có tất cả: 7 quận, 50 huyện (4). Nhà Lương cắt giải đất bắc Trung ý lập riêng thành châu Á, cắt quận Nhật Nam sót lại — một phần đất về Lâm ấp — làm quận Cửu đước, sau đổi làm Đức châu. Nhà Tùy lại lấy đất hai quận Tân, Hưng đặt làm Hưng châu, sau cải làm Puong châu miền duyên hải đông bắc đặt thành châu Hoảng sau cải làm Lục châu (5).

Năm canh tuất (348-tl 590) Tùy dõ hạ các châu xuống làm quận, các quận xuống làm huyện, thì nước ta bấy giờ có 5 quận 32 huyện (6). Vua Đường Cao tổ bình định xong thiên hạ năm nhâm ngọ (616-tl 622) đổi châu Giao làm Đô đốc phủ Giao. Năm mươi bảy năm sau, ki mao (659-tl 679) Đường Cao tổ đặt An nam đô hộ phủ thống trị cả các đất Việt (7).

Nước ta có tên An nam bắt đầu từ đời Đường, và gốc ở chữ An nam đồ hộ vậy. Hai tiếng An nam ấy do vua Đường đặt cho đất nối thuộc của họ và mấy triều đại sau phong cho vua ta. Hai tiếng An nam tuy ngụ ý kềm cớ, và nhắc lại cái quãng thời gian làm than bị đô hộ nhưng lại được thông

AN NAM ĐÔ HỘ

NGUYỄN XUÂN UÂN

dụng, dân Việt lâu ngày cũng tự nhận mình là người An nam đi đôi với tiếng Việt vốn sẵn có từ xưa Xé ra thì hai tiếng An nam lúc đầu nguyên là tên chức chứ không phải là tên đất. Cuối đời tam quốc, nhà Tần lấy được Giao châu của Ngô, mới phong cho Lữ Hưng làm An nam tướng quân Đô đốc Giao châu chủ quân sự (8). Sau vua Đường lấy hai chữ ấy đặt tên cho phủ Đô đốc ở châu Giao. An nam mới thành tên đất. Thủa ấy dân Việt đã biết hợp quần, đã nuôi dưỡng cái tinh thần quốc gia mạnh mẽ ở trong hai chữ An nam ấy. Và đến sau con cháu những người An nam đã lập ở trên giải đất này một nước độc lập hùng cường, bắc chống lại với Trung quốc nam chinh phục Chiêm thành, Chămpa lập. Tên An nam đã quá phổ thông trong chốn dân gian rồi, lâu ngày không thể xóa bỏ đi được nữa, mặc dầu quốc hiệu của ta trước đã có những tên Tây Âu, Nam Việt, Giao chỉ và sau lại thêm những tên Đại Cồ Việt, Đại Việt và Việt nam;

Đất An nam đô hộ gồm đất Bắc kỳ và bắc Trung kỳ đến tận giải Hoàng sơn Miền hạ du chia ra làm nhiều châu huyện có các quan

lại Tàu cai trị miền thượng du và trung du cũng có những châu huyện gọi là châu huyện cơ-mi do bọn tù trưởng bản xứ cai quản lấy dân thổ trước. Đồng bằng có 7 châu là Giao, Phong, Phúc, Trường, (Bắc kỳ), Ai, H an, Dền (Trung kỳ), miền duyên hải là Lục châu. Còn những châu cỏ mi là Võ nga, Võ an, Thanh, Chi (9).

Đồng bằng Bắc kỳ khi ấy đã có cái địa thế như bây giờ rồi cũng mấy sông Nhị hà, Đáy và Thái bình với khúc Bạch đằng giang chảy ra vịnh Bắc kỳ theo phương hướng như ngày nay. Riêng miền duyên hải — Lục châu — chưa được rõ rệt lắm; phải chờ mới bồi còn lỏng, đất chưa được chặt. Trong chỗ bừa lầy ấy chỉ thấy có lau cói và cây sù mọc dầy. Miền Phát diệm Kim sơn và chỗ đất của sông Thanh Nghệ chưa có mà mấy huyện giáp bờ Thái bình, Nam định như Thụy an, Vũ tiên, Trục ninh cũng chỉ mới là bãi cát lầy đương thành hình mà thôi. Chỗ đó vì chưa cây cấy gì được nên dân cư còn thưa thớt, làng xóm tiêu điều gần như hoang dại. Trái lại quá vào trong, người Việt đã ăn ở đông đúc mông mênh một vùng từ Đông triều, Yên thế cho đến Tam đảo, Ba vì

trở xuống đến giải Hoàng sơn không đâu là không có làng mạc ruộng nương. Những khóm tre xanh giải giác chỉ chít giữa cánh đồng ruộng màu lam như những cánh hoa nổi bật trên nền gấm. Rồi ngày tháng qua, mỗi năm những làng mạc ấy cứ lan dần ra miền Lục châu, trước còn thưa sau mau dần, bãi đồng lầy nâu sẫm ấy nhạt dần cho đến khi pha màu lam của lúa mạ. Người Việt chăm chỉ đã chịu khó cấy cấy làm ăn, sinh đẻ nhiều, chóng đông đúc, nên chỗ nào đất màu mỡ có thể giòng giọt được là họ tìm đến lập nghiệp. Họ lan ra vùng duyên hải Lục châu, và giải đồng bằng Hoan Diên ngày một nhiều mãi.

Cuộc di dân ấy đủ cất nghĩa cho việc di kinh đô dần về phía đông: Phong châu, Cồ loa, Long biên và Đại la.

Phủ Đô hộ và Thành Đại la

Tùy Đường để tổ chức lại việc hành chính ở Giao châu, không đặt phủ trị ở Long biên nữa mà thiên về đất Tống bình.

(Xem tiếp trang 15)

1) Xem quyển thứ 1: Bách Việt chương 4

2) Lương Quảng vẫn còn giữ tên là tỉnh Việt.

3) Lịch triều hiến chương địa dư chí (4) I bid

4) La dynastie des Lý antérieurs (dẫn sách nguyên hóa quận huyện chí)

5) 5 quận là: Giao chỉ, 9 huyện: Giao chỉ, Tống bình, Long biên,

Chư diên, Bình đạo, Long bình, Gia ninh, Tân lộc, An nhĩa Cửa châu, 7 huyện Cửa châu, Lăng phong, Tư phủ, Long an, Quán an, Thuận an, Nhật nam, — Nhật nam, 8 huyện: Cửa đước, Hàm hcan, Phố dương, Việt thường, Kim ninh, Giao cốc, An viên, Quảng an, Gia lâm, 4 huyện: Tường phố, Kim sơn, Đình giang, Nam cực bảo cảnh, 4 huyện: Bắc cảnh, Chư ngô, Thọ lĩnh, Tây quyền (Lịch triều hiến chương)

7) Dương thư Lịch triều hiến chương Khâm định Việt sử năm 757, tức tên cái An nam lớn Trấn nam đồ hộ, nhưng đến năm 769 lại đặt tên An nam đồ hộ.

8) Nam 264, xem quyển 2, Giao chỉ chương 7

9) Lịch triều hiến chương địa dư chí-Khâm định Việt sử Việt sử đại toàn: Maspero: Prot. q1 sons les Tang — Giao châu có 8 huyện: Tống bình, Giao chỉ, Nam định, Long biên, Bình đạo, Vũ bình, Thái bình, Chư diên — Phong châu có 5 huyện: Cửa ninh, Thừa hóa, Tân xương, Cao sơn, Châu lục — Trường châu có 4 huyện: Văn dương, Đồ g thái, Trường sơn, Kỳ thường — Phúc lộc châu có 3 huyện: Như viễn, Đường lâm, Phúc lộc — Ai châu có 6 huyện: Cửa châu, An thuận, Sùng bình, Quán ninh, Nhật nam, Trường lâm — Hoan châu có 4 huyện: Cửa đước, Phố dương, Việt thường, Hoan hoan — Diêm châu có 6 huyện: Trung nghĩa, Long trì, Tư nông, Võ lang, Võ đưng, Võ kim — Lục châu có 3 huyện: Ô lồi, Hoa thanh, Ninh hải — Võ nga châu có 7 huyện: Võ nga, Như mã, Vũ nghĩa, Vũ di, Vũ dục, Vũ lao, Lương sơn — Võ an châu có 3 huyện: Võ an, Lâm Giang — Ti anh châu có 3 huyện: Dương uyển, Lạc thủy, La thiêu — Chi châu có 7 huyện: Hán thành, Phá xuyên, Bình tây, Lạc quang, Lạc diêm, Da văn, An long.



Số 69

Ung-hoà NGUYỄN-VAN-TÔ

XXXVIII — Lý-Thần-tông (bài nối)

Đời Lý Thần tông (1127-1138) không có *linh thư* như Lý Thái tông (1028-1054), nhưng trong việc trị dân cũng có những điều lệ nghiêm cấm hẳn bảo như sau này:

Ngày giáp tuất tháng hai ta năm 1128 « cấm những đứa ở nhà quan và lính tạo lệ (quét dọn) không được lấy con gái lương dân » (*Đ.v.s.k. toàn thư*, q. 3, tờ 31a). « Tháng tư năm tân hợi 1131 cấm đưa ở vương hầu, công chúa và trăm quan không được lấy con gái quan chức đô và bách tính *T. l. q. 3*, tờ 36a). Vào khoảng tháng chín « năm kỷ dậu 1129 cấm các nô tỳ của vương hầu và bách quan không được ý thể đánh hiếp quan quân hoặc bách thú; nếu phạm ộ thì chủ nhà bị tội đồ, đưa nô tỳ lại mất vào quan », tức như sung công (*T. l. q. 3*, tờ 34b). Tháng tư năm tân hợi 1131 « cấm con gái nhân dân không được bắt chước hình dạng trang sức như con vua và con các quan » (*T. l. q. 3*, tờ 36a).

« Tháng giêng năm canh tuất 1130 không cho con gái các quan lấy chồng trước, phải đợi sau khi tuyển vào dịch đình (là cung bên cạnh chính cung, và là cung của phi tần trở xuống, vì chỉ có một mình hoàng hậu được ở chính cung), người nào không trúng tuyển, được về lấy chồng » (*T. l. q. 3* tờ 35a). « Tháng năm năm mậu thân 1128, những việc kiện đã qua tố tụng phải xử phán đoán rõ, thì cấm không được tái lại nữa, nếu trái lẽa thì phải tội » *T. l. q. 3*, tờ 31b).

Tháng sáu năm ất mão 1135 cấm những người bán ruộng ao, khi chuộc không được giá tiền gấp bội và chủ nợ cũng không được đòi gấp bội, nếu trái lệnh thì có tội » (*T. l. q. 3*, tờ 39b).

« Tháng tư năm giáp dần 1134 cấm chức chỉ hậu và nội nhân hóa dần không được thiện tiện ra ngoài thành, ai trái lệnh thì luận tội nặng; nếu có việc công thì phải tâu trước mới cho đi » (*T. l. q. 3*, tờ 38a).

« Ngày canh ngọ tháng hai năm mậu thân 1128 vua Lý Thần tông ngự đến Thiên an, xem người trong nước ở long trì, nhân xuống chiếu lấy những quần áo tiền lụa ở nội phủ phát cho » (*T. l. q. 3*, tờ 31a). Cứ Toàn thư chép như thế, thì chỉ biết là người trong nước ở long trì, chứ không rõ quan hay dân, và cái số quần áo tiền lụa ở nội phủ cũng không rõ phát cho ai. So với *K.d.v.s.* (q. 4, tờ 22b) thì có khác như sau này: « Họp quần thần ở long trì điện Thiên an, vua ngự điện để xem, ban cho quần áo tiền lụa có thứ tự hơn kém ».

Đến « tháng sáu năm ất hợi 1135 họp quần thần ở ngoài cửa Đại hưng, vì sắp làm lễ tống táng vua Lý Nhân tông » (*K.d.v.s.*, q. 4, tờ 22a và *T. l. q. 3*, tờ 31b).

« Tháng hai năm mậu thân 1128 sai giáo nghị đại phu là Mậu du Đô sang Thiên đức (Bắc ninh) coi đất để khởi công làm lăng vua Nhân tông, đến tháng sáu táng ở lăng Thiên đức » (*T. l. q. 3*, tờ 31a-b).

« Tháng tám năm kỷ dậu 1129 làm thần chủ vua Nhân tông ở linh điện. Ngày Nhâm ngọ tháng tám nhuận, làm lễ rước thần vị vua Nhân tông vào nhà thái thất » (*T. l. q. 3*, tờ 34a).

« Tháng hai năm giáp dần 1134 dựng chùa Thiên ninh chùa Thiên thành và tổ tượng

Đỗ Thích: vua ngự tới xem » (T. t. q. 3, tờ 38 a).

« Tháng mười một năm ấy (1134) sửa lại điện Diên sinh và quán Ngũ nhạc. Đến tháng ba năm sau 1135, vua ngự quán Ngũ nhạc khánh thành bà tượng bằng vàng bạc » (T. t. q. 3, tờ 39 a).

« Tháng mười hai năm 1135 đặt lợi độ nhân (tể độ chúng sinh) ở nhà Nghênh tiên. Cùng tháng ấy làm lễ khánh thành điện Diên sinh, nhân làm lễ đại hiếu, tức đặt đàn cầu đảo, cũng như bây giờ làm chay » (T. t. q. 3, tờ 39 b).

« Tháng chín năm đinh tỵ (1137) làm lễ khánh thành chùa Linh cảm đại xá lợi nhân trong nước » (T. t. q. 3, tờ 40 b). « Tháng giêng năm甲子 1129 đặt lợi khách thành lập vạn bốn nghìn bảo tháp (stupa) ở Thiên phủ các » (T. t. q. 3, tờ 32 b).

« Tháng giêng năm tân-hợi 1131 làm hai gác ở trong điện Diên-hòa. Tháng bảy năm ấy quán thần dâng biểu mừng năm được mùa » (T. t. q. 3, tờ 36 a).

« Tháng mười năm nhâm-tý 1132 làm điện Linh-cảm, gác Phụng-thiên. Tháng mười hai, vua làm lễ nghinh-xuân ở đình Quảng văn, khánh thành điện Linh-cảm bao gồm bảy quả thần » (T. t. q. 3, tờ 37 b).

« Tết trung-nguyên tháng bảy năm 1128 vua ngự điện Thái-an quán thao đao bêu mừng. Hôm ấy vì làm lễ vu-lan-bồn cho vua Lý Nhân-tông, nên không đại yến đãi

thường quán thần » (vu-lan-bồn là lễng phạm ollamba nghĩa là lấy chậu đựng một trăm thức, cúng dâng chư Phật, để cứu khổ cho chúng sinh, thế-lực thường lấy tiết trung-nguyên tháng bảy, mời sư kết hội vu-lan bồn, tụng kinh trí thực) (T. t. q. 3, tờ 31 b).

« Tháng năm năm 1128 thi họa lão-bình đồ-tào là Vũ-Dại, được bốn người làm sư. Vua xuống chiếu miễn thuế cho họ của thần-anh thái-lậu được một trăm người, không phải ghi tên vào sổ thuế » (T. t. q. 3, tờ 31 b).

« Tháng chín năm canh-tuất 1130 vua ngự điện Linh-quang xem đua bơi. Tháng mười, ngự điện Thái-hình, duyệt sáu quân, định thứ-bực. Tháng mười hai, đánh cầu ở long-tri, cho sứ Chiêm vào hầu để xem, đặt bộ khánh-thành ở chùa Quảng-nghiêm và chùa Từ-loanh tâu người có tội » (T. t. q. 3, tờ 35 b 36 a).

Lý Nhân-tông thi h những diễm lạ, như « ngày tháng giêng năm 1129 Lý-an-Dậu dâng con hươu trắng, con An-Dậu tước đại-hiếu-ban (T. t. q. 3, tờ 32 a). Tháng tháng ấy thái-úy là Dương An-Nhị dâng hươu trắng. Đến tháng hai Trần-vương ban là Lý Lộc dâng thơ nói núi Tân-viên có hươu trắng, vua sai thái-úy là Dương-Anh-Nhị đi bắt được hươu trắng, vua cho Lộc được tước đại-hiếu-ban » (T. t. q. 3, tờ 33 a).

« Tháng ba Lý Tử-Khải dâng thư nói ở huyện Đề-piảng (tức huyện Sơn-dương về đời Tự-đức có con hươu trắng, vua sai thái-úy Lưu-Khánh-Dam đi bắt được, tháng cho Lý Tử-Khải chức x

mật-sở tước Minh-lự » (T. t. q. 3, tờ 33 b; K. d. q. 4, tờ 24 a).

Từ bảy giờ trở đi tranh nhau đem dâng những giống vật lạ, như tháng hai năm canh-tuất 1130, quán-giáp ở nội-tác là Chu-Thủy dâng cá tặc-ngư vàng. Tháng năm, quán-giáp ở Phủ-thu-hiếu là Ní-Nguyên dâng chim tước trắng » (T. t. q. 3, tờ 35 a b).

« Tháng sáu năm tân-hợi (1131) lại có người tên là Hà-Nhị dâng chim tước trắng. Tháng mười hai năm ấy Nguyễn-Mãi ở làng Thái-bình dâng hươu trắng, làm ở vệ tả-vũ tiếp tên là Đỗ Khánh dâng cá xương-công sắc vàng: vua cho là điềm tốt, xuống chiếu cho quan thần lấy mừng Chức cấp-môn-sứ là Lý Phụng-An dâng lời nói rằng: « Đó là vật nhỏ mà Bộ-bạ cho là điềm tốt, nếu con lân, con phượng đến, thì Bộ-bạ cho là điềm thế nào? » vua khen lời nói là lời nói phải, rồi tước » (T. t. q. 3, tờ 36 a-b).

« Tháng tám năm nhâm-tý 1132 chức hươu-lâu ở vệ tả-vũ làm là Đỗ-Quảng dâng cá xương công. Cùng tháng ấy, hươu mực ở châu Chân-dâng là Lê Páp-Quốc dâng con hươu màu tía. Tháng chín chức hươu đầu ở vệ Phụng vệ đô-lệnh là Đinh-Ngưu dâng con hươu trắng (T. t. q. 3, tờ 37 a b).

« Tháng hai năm giáp-dần 1133 chức lợn hương là Nguyễn-Mỹ dâng con ngựa môi hồng đầu trắng, bốn chân trắng sáu cựa (T. t. q. 3, tờ 38 a). Tháng năm năm 1134 chức lợn đầu ở vệ hữu-ngự-long là Quách Tử-dâng dâng ngọc thêm thơ (thơ-m - thơ-châu) hình như con

cá. Vua nói rằng: « Đây là một vật nhỏ không đáng quý » rồi từ chối không nhận. Cùng tháng ấy hình ở vệ tả hưng vũ là Vương-Cửu dâng con rùa sáu mắt, (?) trên lưng rùa có linea chữ triện (?) Vua xuống chiếu cho các học - sĩ và tăng đạo biện bạch, thành tám chữ « thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế » nghĩa là trời viết xuống bảo cho thánh nhân muôn tuổi (T. l. q. 3, tờ 38 a-b).

Về việc mai rùa có chữ, sử-thần đời trước là Ngô-sĩ-Liên đã bác rằng: « Cái văn ở trên mai rùa, sắc đen sắc trắng lẫn lộn, lúc bấy giờ nhân đó biện thành chữ đề đẹp lòng vua; há có chữ thật đâu! » (Khâm-định Việt-sử, q. 4, tờ 28 b).

Đời Lý Thần-tông lại còn một việc lạ nữa, là « Năm bính-thìn 1136 Vua có bệnh các thầy thuốc chữa đều vô hiệu. sự ở chùa Giao-thủy là Nguyễn Minh-Không (tức truyền là Không Minh-Không) chữa khỏi. Vua cho Minh-Không hiệu là quốc-sư và cho vài trăm hộ làm thực-ấp » K. đ. V. s., q. 4, tờ 31 a). « Tương truyền: khi Từ-đạo-Hạnh sắp giải thi đề đi đầu thai, lấy viên thuốc và thần-chủ, giao cho học-trò là Nguyễn-chí-Thành (tức Minh-Không) dặn rằng: « Hai mươi năm sau, thấy quốc-vương mắc bệnh lạ, đem thuốc này đến chữa thì khỏi. ... » (T. l., q. 3, tờ 39 b). Về việc ấy Dã-sử chép hơi khác: « Minh-không là người làm-xá, huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-bh, lúc đầu cùng với Từ-đạo-lạnh sang Tàu, vào ẩn trong rừng, học phép phù-thủy. Khi học

đã thành, người nào cũng biết phép biến hóa và xuất quỷ nhập thần, rồi cùng về. Đi đến nửa đường, chia tay, mỗi người mỗi ngã. Đạo-Hạnh nghĩ thầm rằng « Học-thuật của mình chỉ có Minh-Không hơn », định xuất kỳ bất-y giết đi. Nhân hóa hổ, đón đường, đợi Minh-Không về thì ra vồ. Minh-Không đi đến giữa đường, bỗng thấy ra. Minh-Không biết là Đạo-Hạnh, không sợ hãi chút nào, nói rằng: « Đã là tình anh em, còn đối nhau làm gì? » Đạo-Hạnh không biết làm thế nào, bèn hiện chân thân và tạ lỗi rằng: « Tôi thử xem pháp-luật của Ngô-huỳnh như thế nào! » Minh-Không nói: « Đã muốn làm hổ, chỉ sợ ngày sau lại hóa hổ thật thôi! ». Đạo-Hạnh đáp rằng: « Nếu ngày sau có bệnh hoạn gì, xin nhờ cứu cho ». Nói rồi lại cùng từ biệt. Đạo-Hạnh thì đến núi Thụy-Khuê tu luyện Minh-Không lại về chùa Giao-thủy. Sau Đạo-Hạnh lấy cô Sùng-hiền hầu cầu tự, thác sinh làm Lý Thần-tông. Từ lúc bé đến lúc lên làm vua, trong người không bệnh tật gì cả, tự nhiên năm bính thìn 1136 Lý Thần-tông bấy giờ đã 21 tuổi, làm vua đã 9 năm, thấy chân tay sinh ra nanh vuốt, khắp mình mọc lông, mỗi ngày một kêu gào nhầy nhớt, hình như muốn cắn (?) Người ta cho là « vua cọp », thái hậu sai khóa tất cả cửa cấm, không cho ra chầu, rồi đi tìm khắp các thầy thuốc, đều chữa không khỏi. Minh-Không muốn chữa, nhưng không muốn làm Mao-Toại tự tiến thân, mới dạy mục - đồng hát rằng: « Đục cửa Lý cứu trùng, tu dân

Không Minh - Không nghĩa là muốn chữa vua nhà Lý nên được Không minh - Không (Đây là dịch ở câu chữ nho ra, chính câu nôm của ta truyền tụng rằng: « Tập tầm vông, tập tầm vông, tay nào có, tay nào không? Có Không Minh-Không chữa được hoàng thái tử ». Các quan địa-phương nghe lời đồng-dao hát như vậy, đem việc tâu vào cung cấm, : thái hậu sai sứ đến nhà Minh-Không rủ lễ rước mời. Minh-Không bèn vào Kinh, xem bệnh xong, sai nấu một vạc dầu, khi đã sôi, bắt ép Thần-tông vào trong vạc (?), được một chốc thì những nanh vuốt, lông lá rụng hết, mà ngọc - thể không việc gì, y nhiên là một vị thái-bình-thiên-tử! Thái hậu và vua Thần-tông mừng lắm, muốn ban cho quan tước đề dền ơn, nhưng Minh-Không cố từ chối, nói rằng: « Kể xuất gia này được làm dân đời thái-bình là đủ rồi, không dám xin thưởng ». Vua cố ép, sau Minh - Không xin lấy vài nghìn cân đồng để đúc chuông, đến nay thợ đúc đồng, thợ làm tiền-sư. Tương truyền, chỗ dân-cư xã Hành - thiện thuộc huyện Giao - thủy, là của Minh - Không lập ra » (Đại - Việt sử - ký, cái lương, số A 1146, q. 2, tờ 33 a đến 34 b). Những truyện như thế là « di nghị truyền nghị » chép vào đây để hợp với mục Dặt sự chứ không nên tin là thật.

Đến « tháng cấn năm mậu-ngọ 1138 Lý Thần - tông trong người không yên (tức là bị bệnh), lập hoàng trưởng - tử Thiệu - lộ, làm hoàng thái-tử. Nguyễn trước kia

Thần-tông đã lập Thiên-Lộc làm con nối; đến năm 1138 Cảnh-thánh Nhật-phụng, Phụng-thánh, cả ba phu-nhân muốn đổi người khác, mới sai người ngầm đem của lễ lót với tham-trì chính-sự là Từ-văn-Thông, và dặn rằng: « Khi nhận mệnh vua, thảo tờ di-chiến xin được bỏ lời bà phu nhân ». Từ-văn-Thông vâng lời. Kịp đến khi bệnh nặng, vua sai soạn chiếu thư, Từ-văn-Thông tuy chịu mệnh vua, mà vẫn cố ý chờ ba phu-nhân, nên chỉ cầm bút không viết. Được một chốc thì ba phu-nhân đến, nghẹn ngào khóc-lóc nói rằng: « Chúng tôi nghe người đời xưa lập con nối ngôi, thì lập con trưởng, chứ không lập con thứ, Thiên-Lộc là con người năng hầu, nếu để cho nối ngôi, thì người mẹ tất là tiếm-hoà nhà cũng sinh tình ghen ghét hai người, như thế thì mẹ con chúng tôi khổ khỏi mặt: nạn! » Vua mới xuống chiếu rằng: « Hoàng-tử Thiên-Lộc tuy tuổi còn nhỏ nhưng là con vợ đích, thiên-hạ đều biết, nay cho Thiên-Lộc nối ngôi Trẫm, còn thái-tử Thiên-Lộc nên phong làm Minh-đạo-vương » (T. l. q. 3, tờ 41 b và 42 a và K. d. V. s., q. 4, tờ 33 a-b).

« Ngày hai mươi sáu tháng chạp năm Mậu-ngọ (1138) Lý Thần-tông mất ở điện Vĩnh-quang, dùng cửu đẩu thêm phía tây điện, quần thần dâng tện hiệu là Quảng-nhân, dùng-hiệu văn-võ hoàng-đế, miếu hiệu là Thần-tông, ở ngôi mười một năm, thọ hai mươi ba tuổi » (K. d., q. 4, tờ 34 a và T. l., q. 3, tờ 42 a).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

AN NAM ĐỒ HỘ

(Tiếp theo trang 11)

Hội đầu Tống bình nguyên là tên một quân của Giao châu, sau là một châu nhỏ của nhà Đường, châu Tống; năm nhâm-ngọ (506-1162) Châu Tống chia ra làm ba huyện Tống bình, Hoang Nghĩa và Nam định (10 Trong đời Nam Bắc triều (thế kỷ thứ VI tây lịch) châu (tức Long biên vẫn còn là một nơi đô hội phồn thịnh và một căn cứ dụng binh quan trọng. Từ các viên Tả sử Tàu đến Lý Nam đế và Lý Phật Tử đều lo giữ Long biên, sai tướng đóng trọng binh ở đó. Vua Tùy Dương Cao tổ, đem thủ đô Giao châu về Tống bình, căn cứ theo chỗ đó mà lập phủ Đô hộ An nam. Các tù nhạ cũng di cư theo đều mang cả về đây. Thành Long biên chỉ còn địa vị một châu lỵ của đất Long (11), lại hạ xuống làm một lỵ sở của một huyện nhỏ thuộc châu Giao. Tống bình mở mang phát đạt ra bao nhiêu thì Long biên dần dần bầy nhếch. Dân cư theo bọn quan lại và quân lính, thuyền về phủ mới; dần thuộc lại, gia nhân, thợ thuyền khách thường đến lập nghiệp xây dựng Tống bình cũng như nước họ đã tô điểm cho Long biên vậy.

(Còn nữa)

NGUYỄN XUÂN UÂN

10) *Le protectorat général de l'Annam sous les Tang.*11) *Ibid*: Nhà Tây đô Long biên thành một huyện của quận Giao chỉ. Sau đất ấy đổi tên thành châu Long gồm 3 huyện: Long biên, Vĩnh minh và Bình lạc. Đến đời Dương Long Biên là một huyện của Giao châu.

Tài liệu để đính chính

(Tiếp theo trang 9)

chép là « Trên yên bút-giá thì đồng, Đạm thanh một bức tranh thừng reo trên » P. uông-bản và Chú-thị h chép là « Trên án bút-giá thư đồng ».

— Các bản đều viết « Vì dờ giải-kết đến điều, Thì đem vàng đá mà liếc với thân ». Duy kinh-bản chép là « cho thân ».

— Kinh-bản và các bản nôm khác cũng quốc-ngữ cũ (tr. 38) viết là « Vầng trăng vằng-vặc giữa trời, Đỉnh-ninh bai mặt, một lời song-song » Quốc-ngữ mới (tr. 109) chép là « bai miệng ».

— Các bản nôm chép: « Trong khi chấp cách liễn cành, Mả lòng rỏ rúng đã rình một bên ». Quốc-ngữ (tr. 122) chép là « đã dành một bên » thì không có nghĩa.

— Đến câu dưới là câu « Mái tây dờ lịnh hương ng yễn, Cho duyên dâm tằm ra duyên bỗ-bàng », kinh-bản chép là « Xui duyên dâm-tằm » thì phải hơn.

— Bản quốc-ngữ (tr. 124) chép « Bông tau vừa lọt về ngân, Tin đầu đã thấy cửa ngân gọi vào ». P. uông bản và chú-hích chép là « Tin đầu đã đến ». Kinh-bản chép là « Tin đầu đã gõ ».

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ai học phải thầy cung giọng sai, thiếu tiếng dịch, chưa dạy người Anh, nên tìm đến ông L. C. Đắc, có 8 thứ địa nói tiếng Anh, 18 năm dạy năm thứ tiếng, đã được giấy khen và đã viết nhiều sách Việt, Pháp, Anh đang bán tại 16ter, Sơn-Từ.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

36 17

Ung-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Dương Quảng Hàm nói về ca Huế và bát bỏi ở chương thứ 16 trong quyển *Việt-Nam Văn-Học Sử-Yếu*, từ trang 149 đến trang 169. Dưới chữ-ca khúc ở trang 149 ông Hàm chưa nghĩa là « Những bài bát bỏi với âm-nhạc ». Vẫn biết rằng ca là hát có âm-nhạc, nhưng cũng có khi không dùng đến âm-nhạc, như bài *Gia huấn ca*, bài *Trần tình ca*, v. v. Còn khúc là một đoạn, một mạch, cho nên tôi tưởng nên thêm nghĩa vào chữ ca khúc là « bài hát hoặc khúc hát, cũng như ngâm khúc ».

Ông Hàm chia ra khúc ra các lối lục-bát, song thất, và các lối thơ. Trong lối lục-bát có lối bát nói (đã nói ở chương trên), còn các lối xầm xầm nhà trò, xầm chơ, lồi đôn, dò đưa, ông không « dịch nghĩa » là gì, ông chỉ in mỗi thứ một bài làm mẫu, ở mục « các bài đọc thêm » (tr. 166 - 169); như thế thì học trò nhiều người không phân-biệt được bài lối ấy khác nhau thế nào. Cả đến những chữ Napoli-ai, Nam-tơng, Nam-biệt, Vọng-phu, Cồ bản, Kim-tử, Tứ đa-cảnh, Phú lục, Lưu-thủy, Hành-vân, v. v. (tr. 150), ông cũng chỉ chưa, điệu này mấy khổ mẫu văn, rồi in một bài làm mẫu, như thế thì học trò không biết được điệu nọ khác với điệu kia thế nào. Vậy đến kỳ tái-bản, tôi tưởng ông Hàm nên giảng nghĩa cho rõ.

Trang 156 ông Hàm nói: « Lối tuồng của ta ông theo phép tam nhất trí », rồi chưa « tam là nhất-trí là thu vào một mối ». Chưa vậy thế ông chưa rõ: tôi tưởng nên giảng: « tam là ba; nhất-trí là qui về một gốc, k'ông nên khác nhau; nghĩa là như v. v. xảy ra ở trong bản tuồng phải cùng một địa-phương, lại cùng một thời gian, cùng một sự-tình ».

Trang 157, có câu: « Cách trao-xếp cũng không tách bạch ra từng hồi, từng cảnh như lối bi-

kịch Pháp. Vì cách bài-tri trên sân khấu rất sơ sài... nên một bản tuồng chỉ chia ra làm hồi, chứ không chia ra làm cảnh ». Nên xóa hai chữ « từng hồi », ở trên, vì trái với chữ « làm hồi » ở dưới.

Về « nguồn gốc lối ca Huế » ông Hàm dẫn sử, nói « năm 1044 » (tr. 149), rồi chưa « Thiếu-cầm thánh-vũ nguyên biên »: Chữ « Thiếu » ấy in nhầm, chính là chữ « Thiên ». Dưới có câu: « ... vào thành Phật-thệ... bắt vợ, thiếp cũng cung-nữ của vua Chiêm biết múa hát khúc *Tây-thiên* v. v. » Chỗ ấy mất chữ « điệu »: Chính là *Tây-thiên khúc điệu*: khúc là khúc hát, điệu là điệu múa, ở trên có chữ hát (ca) chữ múa (vũ) mà dưới chỉ có chữ khúc, mất chữ điệu, thành ra hụt nghĩa, vì khúc *Tây-thiên* chỉ hát được, chứ không múa được. Câu ấy lại có chữ sai nghĩa: *Khâm-dịnh Việt-sử* (q. 3, tờ 8 b) chép là « thiên ca vũ »; chữ « thiên » nghĩa là « hay, giỏi, khéo » tức là người nào hát hay múa khéo, ông Hàm dịch là « biết » thì hơi sai.

Trang 150, ông Hàm nói « xem hai việc chép trong sử ấy thì biết ta có tiếp-xúc với ca nhạc của Chiêm-thành và chịu ảnh-hưởng của nền ca nhạc ấy. Sau này khi dân-tộc Chiêm-thành đã mất nước, nỗi buồn rầu, lòng cảm-tư thồ-lộ trong giọng hát, cung đàn, nên có nhiều vở náo-nùng ai oán truyền sang ca nhạc của ta ». Đoạn ấy hình như lý-luận không đúng, vì ngay năm 1202 là năm nước Chiêm-thành hãy còn tức là việc thứ hai mà ông Hàm dẫn theo sử, ở trang 150, thì *Khâm-dịnh Việt-sử* (q. 3, tờ 28 a) chép rằng: « Mùa thu tháng tám (năm nhâm-tuất 1202) vua Lý Cao-tông sai nhạc-công chế ra nhạc khúc, gọi là *Chiêm thánh đờ* thanh-tham xướng-sáo đờ thương. Người

nghe phải rõ nước mắt. Có người sư là Nguyễn-Thường nói rằng: « Tôi nghe cái thanh - âm của nước loạn thì giọng ai-oán và hờn-giận, may chưa thượng trần-du vô độ, cương-kỷ trong triều rối-loạn, lòng dân mỗi ngày mỗi lìa-tao, lại thêm cái tiếng nhạc ai-oán làm xúc-dộng lòng người ấy là cái dìm bại vọng đây ». Thế là ngay khi nước ta mới bắt-chước nhạc-kịch của Chiêm-tham đã có cái giọng bi-ai sầu-cán, chứ không phải « sau này... Chiêm-thành mất nước... » mới « truyền sang ca-nhạc của ta » (tr. 150).

Đến chương thứ mười bảy, ông Hàm nói về « Tính-cách chính của các tác phẩm về văn chương : các đề cổ » (tr. 170-175, xem như không hợp với tên sách là *Văn học sử-yếu*). Nhưng đây là ông theo chương trình của nhà học chính cũ ; chương trình ấy cũng đề là « Tính-cách chính của các tác phẩm về văn-chương ; các đề cổ » hiện ông Hàm đã in ở đầu sách (rang VI), nhưng ở dưới chữ « Văn chương » đánh dấu chấm phẩy (;) ý nói tính-cách của văn-chương thì ở sau, dù đề đề có phải là « Văn-cách » cũng chỉ là một phần mà thôi. Ông Hàm lại theo chương trình giảng vào một bài ở Chương thứ nhất năm thứ nhì (tr. 174-197), còn ở chương thứ 17 này, ông chỉ « xét về một cái tính-cách đặc biệt của văn Tàu và văn ta là sự dùng điển cổ ». Xem nghĩa hai chữ định cách, thì *Việt-Nam tự-dĩen* (tr. 525) giảng là « tính bất riêng của từng vật đã thành cái hình-thức nhất-định không thay đổi được ». Tính cách của văn chương có thể tóm tắt lại như thế này : Câu văn phải cho giản-dị, tự-nhiên mà lại rõ-ràng ; đoạn nào cũng phải đúng chữ cho oán-xúng mà gọn gàng ; dùng nghĩa cho cần thận chắc chắn, không nên cầu-mả ; giọng văn cho uyển-chuyển tao nhã, mà cảm-dộng được người, như văn điệu thì giọng buồn-rầu, văn mừng thì giọng vui-vẻ, v. v. Thế thì điển cổ không phải là một « tính-cách » mà cho là « đặc-biệt ». Vì thế ông Hàm cũng nói ở đoạn kết-luận rằng : « ... dùng điển-cổ nên cho vừa phải, không nên lạm dụng...

thành ra tối nghĩa » (tr. 173). Vậy thì chữ « tính cách đặc-biệt » hơi nhảm. Và lại, có nhiều bài văn cũ không dùng đến điển-cổ, như những bài văn chữ nho ông Hàm in ở trang 227-228 (là bài thơ của Lý Thường-Kiệt làm trong khi trông nhau với quân Tống, và bài thơ vua về kinh-dô của Trần Quang-Khải) và mấy bài thơ nôm như sau đây :

Bài *Thần giá của cụ Yên-dồ* (Nguyễn-Khuyến, 1835-1909)

Ngồi xem năm tháng tựa chim bay,

Ông găm mình ông nghĩ cũng hay.

Mái tóc phần sâu phần lốm đốm,

Hàm răng cái rụng, cái lung-lay.

Nhập nhè n bốn mắt trau trơ tỏ,

Khấp-khênh ba chân giả tỉnh say.

Còn một nỗi này thêm chán nản :

Đi đâu đỡ những cội cùng chơ.

(*Quốc-văn-tùng-ký*, bản sao của Bắc-cổ, số A B 183, tờ 52 b).

Bài thơ vịnh *Chợ trời*, tương truyền là của cụ Nguyễn-Trãi, 1379-1442 (?)

Trái bao vật đổi với sao dời,

Chẳng thú gì hơn thú chợ trời.

Buổi sớm sương tan, trưa gió quạt,

Ban chiều máy họp tối trăng chơi,

Bàg hàng hoa quả quanh năm đủ.

Xấp gánh giang sơn tám mặt ngồi.

Bán lợi mua danh nao những kẻ ?

Lại đây mặc-cả một đôi lời.

(*Quốc-văn-tùng-ký*, tờ 52 a).

(*Còn nữa*)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TO

DẰNG TÍNH MỆNH...

(Tiếp theo trang 3)

đồng bào ta đã trưng lên trên hàng trăm tấm biển hôm 26-3-1945 trong Quốc biểu tình không lồ 20 vạn người tại Hà-nội đã là những lời thiết tha thốt tự trong tim.

Cả cảnh tượng già trẻ nhón bé xát cánh nhau trong hàng ngũ để cùng nhau cam kết hy sinh cho đất nước là câu trả lời rất hùng biện đối với cái dã tâm của bọn di cướp nước.

Toàn thể đồng bào chúng ta, trước nạn xâm lăng của bọn thực dân sẽ tỏ cho họ biết sự đoàn kết chặt chẽ của cả một giống nòi trước quốc nạn và hy sinh đến triệt để cả sản và tính mệnh của cả một nước để duy trì bờ cõi.

Trước sức mạnh của kẻ địch, chúng ta sẽ không hàng phục một cách hèn nhát và sẽ bảo cho họ biết.

— Muốn đánh ngã cả một dân tộc 30 triệu người đồng lòng giữ đất nước, quyết liệt chiến đấu đòi quyền sống tự do, không phải là một công chuyện dễ-dàng như họ tưởng.

PHẠM-MẠNH PHAN

BÁO CỨU QUỐC

Trong lúc sửa soạn để có thể xuất bản hàng ngày, báo Cứu quốc, cơ quan truyền truyền của V. M., tạm phát hành mỗi tuần lễ ba kỳ, thứ ba, thứ tư và thứ sáu.

Tòa Soạn và Ty trị sự ở số 114, Phố hàng Trống Điện thoại 48 35

DÂN TỘC VIỆT NAM

(Tiếp theo trang 7)

Xưa kia, người Trung-hoa phải khiếp-phục trí thông-minh, tài biện-bác, cũng cái học-vấn thâu suốt cổ kim của người mlah. Những sử-giả Việt-nam sang bên Trung-hoa đã nhiều lần làm vinh dự cho tổ-quốc, và bày tỏ cho họ biết rằng nước ta là một nước văn-biến, có một nền văn-minh đặc-sắc, và không thiếu gì nhân-tài lỗi-lạc.

Gần ta đây, những vị bác - học như Nguyễn trường Tộ, Trương Vĩnh Ký cũng làm vẻ vang cho nòi giống. Y-dặng các-văn, một bậc công thần của nước-Nhật hồi mới duy tân, gặp Nguyễn tiên-sinh ở Hương-cảng đã tỏ lời cảm phục tiên-sinh. Còn Trương Vĩnh Ký biết đến gần hai mươi thứ tiếng ngoại quốc: tiếng pháp, tiếng anh, tiếng nhật, tiếng ấn-độ, tiếng tây-ban nha, tiếng ý, tiếng bồ-đào-na, cũng là tiếng mã-lai, tiếng xiêm, tiếng lão, tiếng diến-điện, tiếng cao-môn, tiếng lăm, tiếng chàm, chữ la-tinh, chữ hy-lạp, v. v., và được liệt vào hàng thứ 17 trong số 18 nhà từ-ngữ-học danh tiếng nhất thế - giới, ở thế kỷ thứ 19.

Renand Dorgelès đã viết trong cuốn « Sur la route mandarine » mấy dòng này: « Người Việt-Nam thông-minh một cách lạ thường, họ theo văn-minh thái

tây cũng dễ dàng như nước-Nhật vậy. Không hề tỏ ý lấy làm lạ, sự việc theo thói. Đây là sức mạnh của dân tộc mãnh khảnh này. Trong các trường học có lẫn người Pháp và người Nam, học sinh nam thường đề đầu học sinh pháp trong các kỳ thi. Những nghề nghiệp, những trò chơi ta dạy cho họ, không mấy chốc là họ lại giỏi hơn ta... » Clément Vantel, nhà văn trào phúng trứ danh, không dấu nổi sự ngạc nhiên trước những kết quả vẻ vang của sinh viên ta bên Pháp.

(Còn nữa)

VŨ-BỘI-LIÊU

TÂN THỜI ĐẠI

xuất bản xã

28, Boudonnet Saigon

Hai quyển sách mới của Kiêu - thanh - Quế

1) Cuộc vận động cứu nước trong Việt-nam vong quốc sử

mỗi quyển 6 \$ 00

2) Vũ-trọng-Phụng

và chủ nghĩa tá thiết xã hội

mỗi quyển 6 \$ 00

Không bán lẻ lẻ hóa giao. ngân. Mua liền mặt trên 10 quyển được hóa hồng 25.1

Thơ và văn nghệ phần giới thiệu chỉ trình cho ông:

KIÊU-THANH QUẾ

KỊCH DÀI BẢNG THƠ

Yeu - Ly

(hay là « Yên-Lý trong sức gió »)

LUU-QUANG-THUAN

86 2

Yø Yèu Lq.

Tiếng đồn Tiên-dũng - lực
Chàng thư-sinh khôn sánh với côn-quang —
Nghê phu quân, dạ thiếp quá bàng-hoàng.

Yen Lu.

Nàng chớ sợ, tuy là không trắng đặng
Nhưng trí sáng nên lòng ta chẳng nóng.
Tiêu khâu kia học bất chước anh hùng,
Trong tình-tình dù quên thói hành-hung.
Nhưng lời nói cũng làm y xấu-hổ,
Lời ta sẵn, chưa cần chi nói rõ ;
Biết ta lâu, hà-tất phải lo nhiều.
Phu nhân vào, ta nằm đợi gã Tiêu,
Mong gã đến cho vàng thau biết lửa —
(Vợ con vào, Yếu-Lý nằm trên
giường nhỏ gần cửa ngắm thơ).

Lớp IV

Yếu Lý — Tiên khấu Tổ —

Tiểu Khu TĐ.

Sao quái lạ tên này không đóng cửa.
Và ung dung nằm đợi giữa đêm khuya !
Số nó hết rồi. (nhảy đến kề dao vào cổ Yên Ly)
Ồ Yên Ly kia !

Yeh Lu

Người cử nói !

Tiền Khẩn 18

Ta là Tiên Nhân Tổ.

Yda L.

Đúng giới thiệu, Ly này dư biết rõ

Tiến Khẩu-Tổ

Người ba.đều đ.ng chết biết hay chưa ?
Yêu Ly.

Chura.

Tiểu-Khẩu-18

Nghe rồi chột cũng vừa
Điều thứ nhất : Vỡ rơi già gạo sỉ nhục
Tiêu-khâu Tổ tại bàn ăn giữa lúc
Trăm miệng đồng khen Tổ chẳng ai đương.
Điều thứ hai là người dám khinh thường
Năm ngổ cựa trong gờ ta nộ-khí,
Vuốt râu cộp chẳng phòng thân một tí.
Điều thứ ba : người đã thấy cơ nguy,
Dao Tiêu-khâu bên cõ dĩ đưa kễ,
Không sợ hãi liều bề mau trốn tránh.

Yeu-Ly.

Thương cho người vốn ngàn cân sức mạnh
Má lỏi sao thiên-cận, hỡi Tiêu-khâu !
Ta thức chớ là chẳng sợ người dẫu,
Người nào bết có ba đều hèn nhất.

Tieu-khau 18

Ài hên-á, á?

Yeu-Ly

Người, Tiêu-khâu-Tổ chứ còn ai nữa khác
Ba điều tên người có biết hay không ?

Tiêu-khẩu 18

Không !

Yeu-Lu

Đi rồi đại võ công !
Đầu thứ nhất : mang danh là vũ-dũng.

Chịu sỉ-nhục giữa đông vầy công-chúng.
 Điều thứ hai: lén-lút tới nhà người,
 Ôi quá hèn: trộm cướp khác chi người,
 Đòi dụng-võ lại nương mình trong tối!
 Điều thứ ba: tay ta không khí-giới,
 Mà cõn ta đao kờ, người mới khua môi.
 Ta tỉnh-cờ mà chớng-kiến trò vớ,
 Cười cào đó chỉ tìm thêm sỉ-nhục.

(Yêu Ly cười, Tiêu-khấu-16
 rút đao lại đáng bực tức)

Ta dấu chết không đều chi uất-ức;
 Ai ngại giùm người bảy thước thân trai.
 Trời b n phương đâu thiếu chốn trở tài,
 Nấp quanh xóm ra oai nhờ đêm vắng.
 Cồng tay người cũng giờ cao, định nặng.
 Giết ta rồi sự-nghiệp vẻ-vang chi?
 Đao anh-Làng không dành để ra uy
 Giữa quân-mã, lại cam đi hành-thích?
 Sứ người nếu quả trăm người khôn địch
 Thì danh thơm sao không để cho đời?
 Ao võ-siêu người mặt, Tiêu-khấu ơi!
 Nhục-nhã lắm. Ô hồ đao ngời sáng!
 Đao hèn-nhất, giết ta rồi đem bán
 Từ nửa đồng ngoài chợ có ai mua.
 Đao còn để Tiêu-khấu người bắt chưa?

Tiêu-khấu 16

(Sau một chốc im lặng).

Đao trên cổ cứ bông lời đồng-đạc;

Tiêu vũ-dũng hóa ra Tiêu hèn-nhất.

Đ m cẩu làm xấu-hỗ máu đương sôi.

(lui tới mấy bước nghiêng rặng)

Giết Yêu-Ly thì mang tiếng vớ đờ,

Còn không ấ, nhục lắm sao rửa sạch?

Khôn tới, khôn lui... chỉ còn một cách:

Đao đâm mình, từ đó dự làm chi.

— Sống an-bình, bằng không thôi chết đi.

quay lại với Yêu-Ly)

Mang ơn nặng, không tiếc lời nói phải.

Tiêu sắp chết. Xin nhớ giùm c uyên lại

Vội ma: sau rằng gã Tô-tieu-Khấu

Không phải phương vuốt mặt tham sanh đân.

(đâm đao vào cổ chết)

HẠ MÀN

TẬP-CHI VĂN-HÓA: Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiểm quản lý: Nguyễn-Tường-Phượng

Hồi một

(Sau đó ít lâu vẫn cảnh trước nhưng ban ngày.
 Mở màn: Yêu Ly ngồi xem sách trước án thư, vợ
 ngồi thêu ở sập phía trong).

I

Yêu-Ly — Vợ — Con.

Con Yêu Ly

(Từ ngoài chạy vào)

Phụ thân ơi! Mẫu thân ơi!

Giương giáo sáng ngời

Bạt bay tung trời

Một đoàn người ngựa

Đã dừng chân trước cửa,

(thở hồn hèn)

Vợ-Yêu-Ly

(Bỏ tấm thấu bước ra cửa nhìn)

Xuống ngựa rồi, họ vào ngõ nhà ta,

Trông áo mũi ắt quyền cao chức trọng

Yêu-Ly

(Vẫn cái trên sách)

Thời bình lửa, bốn phương gây gió sóng.

Người xưng vương xưng bá kẻ tranh hàng

Đoái thương chi đám Lê thứ khố cùng

Nghìn đau xót giữa trời bởi mưa gió.

Vợ Yêu-Ly

Này quan khách đã vào thăm trước ngõ

Ngựa xe nhiều, không phải khách thường dân.

Người sắp vào xin phu tướng ra sân

Chào sân đón để làm vui dạ khách.

Yêu-Ly

Người thức trọng, ta thư sinh áo rách.

Vừa nghe nơi đó võn vĩa sao nên.

Người đến thêm ta sẽ đứng ra nghênh

Phu nhân đề-mặc mình ta với khách.

(Vợ vào trong Yêu Ly ra cửa—Hạ-Lưu Quân-su)

Võ tướng và hai tả hữu vào nhà:

Hai bên vãi chào nhau).

(Còn nữa)

LƯU-QUANG-THUYẾT